

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

# BESTBOY METALFREE S3 S3S

BESTBOYMF

**Giày an toàn** đư ợc **yêu thích** nhất tế **không có kim** l ờ

Safety Jogger BESTBOY METALFREE là giày an toàn c ể g đa
i các tính n trên bằn g da thoáng khí, chư ố tr và gi ợc
p cao và nhiều dã

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn ật Ba to thu | |
| lót bên trong i tái chế lướ | |
| trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế) | |
| iữa đế g ệt chống thủ ng | |
| ngoài Đ | PU / PU |
| u Đứng đầ ống hợp t | |
| i Loạ | S3S / SR, SC, LG, FO, CI, ESD |
| Phạm vi kích thước | EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5<br>JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315 |
| ng lượng t | 0.647 kg |
| ẩn hiêu chu | ASTM F2413:2018<br>EN ISO 20345:2022+A1:2024 |



BLK

$CO_2$ 11.48 kg



**S & nhiên**
u ợc dầu
ế ngoài có k khả n và nhiên dầu.



**S3**
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi c ẩm cao và có n . Những đôi giày này cũng bảo v ng thủng đế và nghiền nát bàn chân.



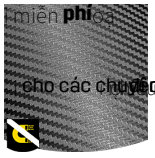
**(SR)**
Chống t ợt dây SRA is SRB and SRC. SR có nghĩa là phép thử ợc th hiện trên sàn và dầu



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da t nhiên c các ứng
dụng linh hoạt



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
siêu nhẹ chống đâm thủng. Bao phủ
100% này, không ẫn nhiệt



**phí**
**Kim** l
Giày an toàn không có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng
cho các chuyên

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

**Công** nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Xây dự n g, Ngành công n g hiệ n p , hậ

ường: **Môi** t
rư ờn g ẩm khô, Bề mặt cự c mị n ờn, môi trù n, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi trư ờn g ẩm ướt

**Cac** hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp phù hợp để kéo dài

K

| Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20345** | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu t **Barton** thu **cao** cấp h ơn | | | | | |
| **Top:** khả năng h ấm ớ h ơ | ? 0.8 | | 2.2 | ờ | mg/cm/g |
| **Top:** h ì nh ệ số ớ h ơ | ? 15 | | 25 | | mg/cm2 |
| **ót bên trong** i **tái** h ư ế ớ | | | | | |
| L ớp **lót:** h ấm ớ h ơ | ? 2 | | 49.8 | ờ | mg/cm/g |
| **lót:** h ì nh ệ số ớ h ơ | ? 20 | | 398.8 | | mg/cm2 |
| **rong** Đ ệ m **chân SJ** làm t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế) | | | | | |
| ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt ) **(chu kỳ)** | 25600/12800 | | 25600/12800 | | chu kỳ |
| **goài** Đ **PU / PU** | | | | | |
| Ch ố n trượt **mài mòn** ế ngoài ( | ? 150 | | 56.4 | | mm |
| Chư ố ớt tr gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt **gót** v ề phía t | ? 0.31 | | 0.41 | | ma sát |
| rư ớt cố ớt bản gót G ố m + NaLS - Trư ớt **lùi** v ề phía t | ? 0.36 | | 0.39 | | ma sát |
| rư ớt SR n G ế t m + Glycerin - Trư ớt **gót** phía t | ? 0.19 | | 0.28 | | ma sát |
| Chư ố ớt tr SR g G ố m + Glycerin - Trư ớt v ề phía t | ? 0.22 | | 0.27 | | ma sát |
| ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | | 32.6 | | megaohm |
| ị ESD Giá t | 0.1 - 100 | | 29 | | megaohm |
| Hấp thụ năng l ượ g ót chân củ | ? 20 | | 26 | | J |
| Đ ướ n g ất ợp | | | | | |
| **Mũi giày an toàn** ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J) | N/A | | N/A | | mm |
| **Mũi bảo h ộ** ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN) | N/A | | N/A | | mm |
| **Mũi giày an toàn** ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J) | ? 14 | | 17.0 | | mm |
| **Mũi giày an toàn** ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN) | ? 14 | | 22.5 | | mm |

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh thái:**

| Sự **miêu** t ả | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|
| i **CO phát** thả | | | | |
| V ật l iệu | | 9.20 | | kg |
| Bao bì | | 0.13 | | kg |
| ất Sản x u | | 1.90 | | kg |
| Chuyên ch ở | | 0.26 | | kg |
| | | **11.48 kg CO2/** cặp | | |

| Sự **miêu** t ả | ế t ả | K u | q |
|---|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ **tái** ch ế | | | |
| Product | | 5% | |
| Bao bì | | 99% | |

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.